

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí
đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016, của Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh đề nghị về việc “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký kinh doanh Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã; cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và các cơ quan nhà nước có liên quan.

Điều 2. Mức thu lệ phí, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh:

1. Mức thu:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần)
I	Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hợp tác xã do Sở Kế hoạch và Đầu tư thu	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	150.000
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách.	100.000
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy.	50.000
II	Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hợp tác xã do Phòng Tài chính-Kế hoạch thu	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã.	100.000
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách.	50.000
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy.	50.000
III	Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh do Phòng Tài chính - Kế hoạch thu	
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh.	100.000
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy.	50.000

2. Không thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hợp tác xã đối với các trường hợp sau:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã, đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi tên, vốn điều lệ, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh, người đại diện, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, các chức danh quản lý); thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã; thông báo tạm ngừng hoạt động Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã;

giải thể Hợp tác xã; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã;

b) Việc bổ sung, thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của Hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh Hợp tác xã;

c) Bổ sung thông tin khác trong hồ sơ đăng ký kinh doanh Hợp tác xã mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã;

d) Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, thì Hợp tác xã có quyền gửi thông báo yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã cho phù hợp với hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp).

3. Không thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh đối với các trường hợp sau:

a) Việc bổ sung, thay đổi về tên Hộ kinh doanh, người đại diện, vốn, địa điểm, ngành nghề kinh doanh, số điện thoại, fax, email, website; địa chỉ của Hộ kinh doanh do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh;

b) Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh (trường hợp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh thì Hộ kinh doanh có quyền gửi thông báo yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh cho phù hợp với hồ sơ đăng ký kinh doanh đã nộp);

c) Hộ kinh doanh thực hiện thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh.

4. Tổ chức thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

a) Cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

5. Chế độ quản lý:

Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu đối với Hộ gia đình, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản lệ phí quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này thực hiện theo Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định hiện hành. Hàng năm, tổ chức thu lệ phí phải lập dự toán thu lệ phí cùng với dự toán thu, chi ngân sách nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bãi bỏ mục 6 (lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) của phần II (đối với các khoản lệ phí) trong Danh mục, nội dung về phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định mức thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 12/7/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LDVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang